

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21-6-2024

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thùy My**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Hiến**

Bà **Nguyễn Thị Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Gia Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Bích Thảo** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 28/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 70/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024 và Thông báo về việc dời ngày xét xử số 04/2024/TB-TA ngày 06 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị V**, sinh năm 1978

Nơi cư trú: Thôn I, xã A, tỉnh Khánh Hòa; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông **Phạm H**, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Thôn I, xã A, tỉnh Khánh Hòa; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 05/01/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị V trình bày:*

Bà V và ông Phạm H tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa vào năm 2001. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm chung, vợ chồng mâu thuẫn trong vấn đề đất đai bên phía gia đình của ông H và ông luôn thiếu trách nhiệm với gia đình. Mặc dù, bà V đã nhiều lần khuyên can, nhắc nhở ông H để xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng và làm cho tình cảm của cả hai ngày càng phai nhạt hiện nay vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai.

Đến thời điểm hiện tại, bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn hôn nhân nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà V được ly hôn với ông H.

Về con chung: Vợ chồng có tất cả 02 người con chung tên là Phạm Văn D, sinh ngày 13/10/2001 và Phạm Thị Y, sinh ngày 18/01/2000; hai con chung đều đã đủ tuổi thành niên nên bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà V xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai.

** Tại bản tự khai, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm H trình bày:* Ông H hoàn toàn thống nhất với ý kiến của bà Phạm Thị V về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng vẫn có một số mâu thuẫn xảy ra nhưng không đáng kể, ông H vẫn còn tình cảm với bà V nên ông không đồng ý ly hôn với bà V.

Về con chung: Ông H và bà V có tất cả 02 người con chung tên là Phạm Văn D, sinh ngày 13/10/2001 và Phạm Thị Y, sinh ngày 18/01/2000; các con chung đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông H và bà V tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông H xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến trình bày:*

+ Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng theo quy định.

Về thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án: Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị V được ly hôn với ông Phạm H.

- Về con chung: Hai người con chung tên là Phạm Văn D, sinh ngày 13/10/2001 và Phạm Thị Y, sinh ngày 18/01/2000 đã đủ tuổi thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà Phạm Thị V và ông Phạm H không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Bà Phạm Thị V và ông Phạm H đều xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bà Phạm Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm H có hộ khẩu thường trú tại thôn Ninh Ích, xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Do vậy, căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 207 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Phạm Thị V yêu cầu được ly hôn với ông Phạm H nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy bà Phạm Thị V và ông Phạm H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Ninh Hòa (nay là thị xã Ninh Hòa), tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80, quyền 01/2000 ngày vào ngày 24/9/2000. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị V và ông Phạm H là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của đương sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản xác minh và được thẩm tra công khai tại phiên tòa nhận thấy:

Hội đồng xét xử xét thấy: xuất phát từ những bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt dần, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà V là phù hợp. Trên cơ sở xem xét quan điểm trình bày của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Bà V và ông H có 02 con chung tên là Phạm Văn D, sinh ngày 13/10/2001 và Phạm Thị Y, sinh ngày 18/01/2000; hai con chung đã đủ tuổi thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Phạm Thị V và ông Phạm H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà Phạm Thị V và ông Phạm H đều xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Phạm Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 232, Điều 264, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị V được ly hôn ông Phạm H.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí ký hiệu BLTU/23 số 0005428 ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà Phạm Thị V đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã A theo Giấy CNKH số 80, quyển 01, ngày 24/9/2000;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thùy My